

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09/7/2024

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô rô Be**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Chung Thị Lan H** – sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Ngọc A** – sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị **Chung Thị Lan H** trình bày:*

Tôi và anh **Phạm Ngọc A** chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 1 tháng mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh **A** thường chơi bời bên ngoài, không có trách nhiệm với gia đình, tôi đã nhiều lần khuyên nhưng anh **A** vẫn tính nào tật nấy không sửa đổi Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay không liên lạc với nhau.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị **H yêu cầu:**

- Về quan hệ hôn nhân: chị **H** yêu cầu được ly hôn với anh **Phạm Ngọc A**
- Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh **Phạm Ngọc A**, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **A** vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh **Phạm Ngọc A** với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh **A** vắng mặt. Xét thấy anh **A** đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh **A** vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **A** là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**, giấy chứng nhận kết hôn số 27/2009 ngày 10/10/2009 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị **H** cho thấy anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị **H** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **A** thường chơi bời bên ngoài, không có trách nhiệm với gia đình, chị **H** đã nhiều lần khuyên nhưng anh **A** vẫn không thay đổi nên vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay không liên lạc với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh **A** không

đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **A** và anh **A** cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **H**.

Tại phiên tòa chị **H** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Xét thấy thực tế giữa chị **H** và anh **A** không có cuộc sống chung từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, trong thời gian anh chị sống ly thân thì không quan tâm đến nhau, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống tình cảm vợ chồng, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị **H**.

[4] Về con chung: chị **H** xác nhận chị và anh **A** không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị **H** xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị **H** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003735 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 9, 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Chung Thị Lan H**. Cho ly hôn giữa chị **Chung Thị Lan H** và anh **Phạm Ngọc A**.

2. Về án phí HNST: Buộc chị **Chung Thị Lan H** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003735 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Tân Hiệp;
 - Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
 - TAND tỉnh Kiên Giang;
 - UBND xã Tân Hoà;
 - Các đương sự;
 - Lưu HS.
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Ngọc Ái

